TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày 17-6-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Bà Nguyễn Thị Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Số 117, ấp LT, xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị M, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú: Ấp AK, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 01 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Chị có tham gia hợp đồng góp hụi 10 phần hụi gồm 09 dây do chị Đặng Thị M làm chủ, mỗi tháng góp và lĩnh hụi 01 lần số tiền 1.000.000 đồng, tháng 02 mỗi năm không khui hụi, hụi hưởng hoa hồng số tiền 400.000 đồng, cụ thể như sau:.

Dây 01 (theo giấy giao kèo hụi là dây 10): Kỳ mở hụi ngày 01-11-2016, kỳ mãn hụi ngày 06-6-2018, gồm 20 phần, 20 thành viên, chị tham gia 01 phần, góp 19 lần hụi sống, số tiền 11.805.000 đồng, tính theo hụi chết là 19.000.000 đồng.

Dây 02 (theo giấy giao kèo hụi là dây 11): Kỳ mở hụi ngày 01-11-2016, kỳ mãn hụi ngày 06-6-2018, gồm 20 phần, 20 thành viên, chị tham gia 02 phần. góp 19 lần hụi sống, số tiền 11.790.000 đồng x 02 phần thành tiền là 23.580.000 đồng, tính theo hụi chết là 38.000.000 đồng. Dây hụi này có chị Trần Thị Đ vi phạm hợp đồng góp hụi, chị Đ còn nợ chị M 07 lần hụi chết, số tiền 7.000.000 đồng.

Dây 03 (theo giấy giao kèo hụi là dây 12): Kỳ mở hụi ngày 01-11-2016, kỳ mãn hụi ngày 06-6-2018, gồm 20 phần, 20 thành viên, chị tham gia 01 phần. góp 19 lần hụi sống, số tiền 11.970.000 đồng, tính theo hụi chết là 19.000.000 đồng.

Dây 04 (theo giấy giao kèo hụi là dây 13): Kỳ mở hụi ngày 01-11-2016, kỳ mãn hụi ngày 06-6-2018, gồm 20 phần, 20 thành viên, chị tham gia 01 phần, góp 19 lần hụi sống, số tiền 11.710.000 đồng, tính theo hụi chết là 19.000.000 đồng. Dây hụi này có chị Trần Thị Đ và chị Lê Thị Cát P vi phạm hợp đồng góp hụi, chị Đ còn nợ chị M 07 lần hụi chết, số tiền 7.000.000 đồng. chị P còn nợ chị M 02 lần hụi chết, số tiền 2.000.000 đồng.

Dây 05 (theo giấy giao kèo hụi là dây 14): Kỳ mở hụi ngày 01-11-2016, kỳ mãn hụi ngày 06-6-2018, gồm 20 phần, 20 thành viên, chị tham gia 01 phần, góp 19 lần hụi sống, số tiền 11.675.000 đồng, tính theo hụi chết là 19.000.000 đồng. Dây hụi này có chị Lê Thị Cát P vi phạm hợp đồng góp hụi, chị P còn nợ chị M 02 lần hụi chết, số tiền 2.000.000 đồng.

Dây 06 (theo giấy giao kèo hụi là dây 01): Kỳ mở hụi ngày 01-01-2017, kỳ mãn hụi ngày 01-8-2018, gồm 19 phần, 19 thành viên, chị tham gia 01 phần, góp 17 lần hụi sống, số tiền 10.750.000 đồng, tính theo hụi chết là 17.000.000 đồng.

Dây 07 (theo giấy giao kèo hụi là dây 02): Kỳ mở hụi ngày 01-01-2017, kỳ mãn hụi ngày 01-8-2018, gồm 19 phần, 19 thành viên, chị tham gia 01 phần, góp 17 lần hụi sống, số tiền 11.060.000 đồng, tính theo hụi chết là 17.000.000 đồng.

Dây 08 (theo giấy giao kèo hụi là dây 03): Kỳ mở hụi ngày 01-01-2017, kỳ mãn hụi ngày 01-8-2018, gồm 19 phần, 19 thành viên, chị tham gia 01 phần, góp 17 lần hụi sống, số tiền 11.050.000 đồng, tính theo hụi chết là 17.000.000 đồng.

Dây 09 (theo giấy giao kèo hụi là dây 04): Kỳ mở hụi ngày 01-01-2017, kỳ mãn hụi ngày 01-8-2018, gồm 19 phần, 19 thành viên, chị tham gia 01 phần, góp 17 lần hụi sống, số tiền 10.785.000 đồng, tính theo hụi chết là 17.000.000 đồng.

Ngày 05-7-2018 vào khoảng 21 giờ trên đường chị M đi thu tiền hụi từ ấp AH, xã AH, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến khoảng 22 giờ về đến nhà chị M tại ấp AK, xã AT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị M phát hiện bị mất số tiền 150.000.000 đồng. Do đó trong tháng 7 năm 2018 chị M không có tiền để trả cho các thành viên chưa lĩnh tiền trúng hụi. Chị M nợ chị tính theo hụi sống là 114.385.000 đồng, tính theo hụi chết là 182.000.000 đồng.

Tháng 8 năm 2018, chị M có trả cho chị số tiền 50.000.000 đồng.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị M có nghĩa vụ trả cho chị 132.000.000 đồng tiền hụi tính theo hụi chết. Trước và tại phiên tòa chị yêu cầu chị M trả số tiền 102.965.000 đồng trừ 4.000.000 đồng tiền hoa hồng, số tiền còn phải trả là 98.965.000 đồng và trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố từ ngày 05-8-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Đặng Thị M trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của chị Nguyễn Ngọc T về việc chị T có tham gia hợp đồng góp hụi 10 phần gồm 09 dây do chị làm chủ, mỗi tháng góp và lĩnh hụi 01 lần số tiền 1.000.000 đồng, hụi hưởng hoa hồng số tiền 400.000 đồng, Tháng 01 năm 2017 Âm lịch và tháng 01 năm 2018 Âm lịch không khui hụi, 05 ngày sau khi khui hụi, chủ hụi thu tiền hụi vào buổi sáng và giao tiền trúng hụi vào buổi chiều cùng ngày, số lần và số tiền chị T góp hụi sống cho chị. Chị T đã góp hụi cho chị tính theo hụi sống là 114.385.000 đồng, tính theo hụi chết là 182.000.000 đồng, các thành viên đã lĩnh tiền trúng hụi có góp đủ tiền hụi chết cho chị, trong đó có 02 thành viên đã lĩnh đủ tiền trúng hụi nhưng không góp đủ tiền hụi chết cho chị, còn nợ lại 18.000.000 đồng tiền hụi chết và việc trên đường đi thu tiền hụi ở ấp AH, xã AH về nhà, chị bị mất số tiền 150.000.000 đồng là đúng.

Tháng 8 năm 2018, chị có trả cho chị T 50.000.000 đồng, còn nợ tính theo hụi sống là 64.385.000 đồng, tính theo hui chết là 132.000.000 đồng

Chị không đồng ý trả cho chị T số tiền 98.965.000 đồng, chị chỉ đồng ý trả cho chị T 64.385000 đồng tiền hụi sống, không trả tiền lãi, trả dần mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng.

. - *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh*:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước`thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc T. Buộc chị Đặng Thi M có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Ngọc T số tiền 98.965.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ tháng 8 năm 2018.

Án phí: Chị Đặng Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đặng Thị M vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M

[2] Về nội dung: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 132.000.000 đồng. Trước và tại phiên tòa chị T yêu cầu chị M trả số tiền 98.965.000 đồng và trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố từ ngày 05-8-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị T không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị T theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của chị T đòi chị M 98.695.000 đồng tiền hụi (gồm 46.965.000 đồng tiền hụi sống và 106.000.000 đồng tiền hụi chết, trừ 50.000.000 đồng chị M đã trả cho chị T và trừ 4.000.000 đồng tiền hoa hồng).

Chị Nguyễn Ngọc T, chị Đặng Thị M thống nhất về việc chị T góp hụi do chị M làm chủ, các dây hụi chị T tham gia và góp hụi hàng tháng. Chị T góp hụi đầy đủ và là người lĩnh tiền trúng hụi cuối cùng, tuy nhiên chị M không đăng hụi cho chị T.

Chị T và chị M thống nhất trong 10 phần hụi gồm 09 dây hụi chị T tham gia do chị M làm chủ trong vụ án này, các thành viên đã lĩnh tiền trúng hụi có góp đủ tiền hụi chết cho chị M. Ngoài ra, có 02 thành viên là chị Trần Thị Đ và chị Lê Thị Cát P đã lĩnh tiền trúng hụi nhưng không góp đủ tiền hụi chết cho chị M. Cụ thể:

Chị Đ vi phạm hợp đồng góp hụi tại dây 02 (theo giấy giao kèo hụi là dây 11), chị T tham gia 02 phần, góp 19 lần hụi sống số tiền 23.580.000 đồng.

Chị Đ và chị Cát P vi phạm hợp đồng góp hụi tại dây 04 (theo giấy giao kèo hụi là dây 13), chị T tham gia 01 phần, góp 19 lần hụi sống số tiền 11.710.000 đồng.

Chị Cát P vi phạm hợp đồng góp hụi tại dây 05 (theo giấy giao kèo hụi là dây 14), chị T tham gia 01 phần, góp 19 lần hui sống số tiền 11.675.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 29 chương 4 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ thì chị M có nghĩa vụ trả cho chị T tiền hụi sống và hụi chết cụ thể như sau:

Dây 01 (theo giấy giao kèo hụi là dây 10), chị M trả cho chị T số tiền hụi chết là 19.000.000 đồng.

Dây 02 (theo giấy giao kèo hụi là dây 11), chị M trả cho chị T số tiền hụi sống là 23.580.000 đồng.

Dây 03 (theo giấy giao kèo hụi là dây 12), chị M trả cho chị T số tiền hụi chết là 19.000.000 đồng.

Dây 04 (theo giấy giao kèo hụi là dây 13), chị M trả cho chị T số tiền hụi sống là 11.710.000 đồng.

Dây 05 (theo giấy giao kèo hụi là dây 14), chị M trả cho chị T số tiền hui sống là 11.675.000 đồng.

Dây 06, 07, 08, 09 (theo giấy giao kèo hụi là dây 01, 02, 03, 04), chị M trả cho chị T số tiền hụi chết là 17.000.000 đồng x 04 phần, thành tiền là 68.000.000 đồng.

Số tiền chị M nợ chị T là: 19.000.000 đồng + 23.580.000 đồng + 19.000.000 đồng + 11.710.000 đồng + 11.675.000 đồng + 68.000.00 đồng = 152.965.000 đồng.

Tháng 8 năm 2018 chị M có trả cho chị T số tiền 50.000.000 đồng nên được trừ số tiền này.

Ghi nhận chị T đồng ý trừ 4.000.000 đồng tiền hoa hồng.

Số tiền chị M phải trả cho chị T là:

152.965.000 đồng – (50.000.000 đồng + 4.000.000 đồng) = 98.965.000 đồng.

Xét yêu cầu của chị T đòi chị M trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố từ ngày 05-8-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm thấy rằng: Tại Điều 29 chương 4 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định: "Trong trường hợp chủ họ đã thu phần họ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên đươc lĩnh họ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh họ, chủ họ phải giao các phần họ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có.

Chủ họ phải trả lãi đối với các phần họ giao chậm theo mức lãi do các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian giao chậm tại thời điểm giao các phần họ". Chị M đã thu phần hụi của các thành viên nhưng không giao cho chị T. Do đó, yêu cầu của chị T có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản 9%/ năm, ngày áp dụng 01-12-2010

Từ ngày 05-8-2018 đến ngày 17-6-2019 là 10 tháng 12 ngày.

98.965.000 đồng x 9%/ năm x 10 tháng 12 ngày = 7.719.270 đồng.

Tổng số tiền chị M phải trả cho chị T là:

98.965.000 đồng + 7.719.270 đồng = 106.684.270 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T Buộc chị M có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 106.684.270 đồng.

[5] Xét yêu cầu của chị M xin trả dần mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng, chị T không đồng ý. Do đó, yêu cầu của chị M không có cơ sở chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc T. Buộc chị Đặng Thị M có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 98.965.000 đồng và trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ tháng 8 năm 2018. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi giữa chị Nguyễn Ngọc T đối với chị Đặng Thị M.

2. Buộc chị Đặng Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Ngọc T số tiền 106.684.270 (một trăm lẻ sáu triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Đặng Thị M phải chịu 5.334.213 (năm triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm mười ba) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Nguyễn Ngọc T 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0016786 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Các đương sự.;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Nghện